

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **35** /UBND-VX5
V/v thông báo Văn bản mới
ban hành

Quảng Ninh, ngày **10** tháng 01 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BYT sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2022 và đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế.

Thừa lệnh Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh thông báo đề các Sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố biết, tra cứu, thực hiện; chủ động tham mưu, đề xuất triển khai những nội dung thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1-3, DL1;
- Lưu: VT, VX5.

PND-TBVB222.01

**TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Sơn Hà

Số: 35 /2021/TT-BYT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế như sau:

"1. Việc chuyển thực hiện dịch vụ cận lâm sàng được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế và theo danh mục như sau:

a) Dịch vụ cận lâm sàng thuộc danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và đang được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng tại thời điểm chỉ định sử dụng cho người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó không thực hiện được;

b) Dịch vụ cận lâm sàng không thuộc danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng

thực tế cần thiết cho các hoạt động chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý, chẩn đoán và điều trị trong khám bệnh, chữa bệnh thì được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán đối với các trường hợp điều trị nội trú từ tuyến huyện trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Dịch vụ cận lâm sàng không thuộc danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng thực tế cần thiết cho các hoạt động chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý, chẩn đoán và điều trị trong khám bệnh, chữa bệnh đối với một số bệnh truyền nhiễm, gồm: Lao, Viêm gan B, Viêm gan C, HIV/AIDS, SARS-CoV-2, Sốt xuất huyết thì được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán đối với các trường hợp khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú và nội trú từ tuyến huyện trở lên đối với các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm trong Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định tại các điểm a, b và c khoản này để lập danh sách các dịch vụ cận lâm sàng cần chuyên và gửi đến cơ quan bảo hiểm xã hội nơi ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để biết và ký bổ sung phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trước khi thực hiện."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

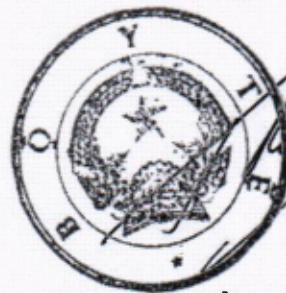
Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục, Tổng Cục trưởng Tổng cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Vụ Bảo hiểm y tế) để xem xét, giải quyết/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Công báo; Công thông tin điện tử CP);
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, BH (05 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Thuấn

Phụ lục

DANH MỤC DỊCH VỤ CẬN LÂM SÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 35 2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên dịch vụ xét nghiệm cận lâm sàng	Mã tương đương	Mã Danh mục kỹ thuật theo TT43, TT50, TT21
1.	Xét nghiệm đếm số lượng CD3 - CD4 - CD8	22.0342.1225	22.342
2.	HIV đo tải lượng Real-time PCR	24.0179.1719	24.179
3.	HIV đo tải lượng hệ thống tự động	24.0180.1662	24.180
4.	HIV DNA Real-time PCR	24.0178.1719	24.178
5.	HIV kháng thuốc giải trình tự gene	24.0181.1721	24.181
6.	HIV Ab test nhanh	24.0169.1616	24.169
7.	HIV Ag/Ab test nhanh	24.0170.2042	24.170
8.	HIV Ab miễn dịch bán tự động	24.0171.1617	24.171
9.	HIV Ab miễn dịch tự động	24.0172.1617	24.172
10.	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	24.0173.1661	24.173
11.	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	24.0174.1661	24.174
12.	HIV khẳng định (*)	24.0175.1663	24.175
13.	HCV đo tải lượng Real-time PCR	24.0151.1654	24.151
14.	HCV đo tải lượng hệ thống tự động	24.0152.1653	24.152
15.	HBsAg định lượng	24.0121.1647	24.121
16.	HBV đo tải lượng Real-time PCR	24.0136.1651	24.136
17.	HBV đo tải lượng hệ thống tự động	24.0137.1650	24.137
18.	HCV Ab test nhanh	24.0144.1621	24.144
19.	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	24.0147.1622	24.147
20.	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động	24.0148.1622	24.148
21.	HCV Core Ag miễn dịch tự động	24.0149.1652	24.149

Handwritten signature

STT	Tên dịch vụ xét nghiệm cận lâm sàng	Mã tương đương	Mã Danh mục kỹ thuật theo TT43, TT50, TT21
22.	HCV Ab miễn dịch tự động	24.0146.1622	24.146
23.	HCV Ab miễn dịch bán tự động	24.0145.1622	24.145
24.	HCV genotype Real-time PCR	24.0153.1718	24.153
25.	Định lượng Albumin [Máu]	23.0007.1494	23.7
26.	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	23.0018.1457	23.18
27.	Định lượng PIVKA (Proteins Induced by Vitamin K Antagonism or Absence)	22.0077.1233	22.77
28.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	22.0001.1352	22.1
29.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	22.0002.1352	22.2
30.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	22.0003.1351	22.3
31.	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	23.0025.1493	23.25
32.	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	23.0026.1493	23.26
33.	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	23.0027.1493	23.27
34.	HBsAg miễn dịch tự động	24.0119.1649	24.119
35.	HBsAb định lượng	24.0124.1619	24.124
36.	HBc total miễn dịch bán tự động	24.0128.1618	24.128
37.	HBc total miễn dịch tự động	24.0129.1618	24.129
38.	HBc IgM miễn dịch bán tự động	24.0125.1614	24.125
39.	HBc IgM miễn dịch tự động	24.0126.1614	24.126
40.	HBeAg miễn dịch bán tự động	24.0131.1644	24.131
41.	HBeAg miễn dịch tự động	24.0132.1644	24.132
42.	HBeAb miễn dịch bán tự động	24.0134.1615	24.134

STT	Tên dịch vụ xét nghiệm cận lâm sàng	Mã tương đương	Mã Danh mục kỹ thuật theo TT43, TT50, TT21
43.	HBeAb miễn dịch tự động	24.0135.1615	24.135
44.	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	24.0017.1714	24.17
45.	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	24.0018.1611	24.18
46.	Mycobacterium tuberculosis nuôi cấy môi trường lỏng	24.0019.1685	24.19
47.	Mycobacterium tuberculosis nuôi cấy môi trường đặc	24.0020.1684	24.20
48.	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	24.0021.1693	24.21
49.	Mycobacterium tuberculosis kháng thuốc hàng 1 môi trường đặc	24.0022.1683	24.22
50.	Mycobacterium tuberculosis kháng thuốc hàng 1 môi trường lỏng	24.0023.1678	24.23
51.	Mycobacterium tuberculosis kháng thuốc hàng 2 môi trường đặc	24.0024.1679	24.24
52.	Mycobacterium tuberculosis kháng thuốc hàng 2 môi trường lỏng	24.0025.1686	24.25
53.	Mycobacterium tuberculosis kháng thuốc PZA môi trường lỏng	24.0026.1680	24.26
54.	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert	24.0028.1682	24.28
55.	Mycobacterium tuberculosis đa kháng LPA	24.0029.1681	24.29
56.	Mycobacterium tuberculosis siêu kháng LPA	24.0030.1688	24.30
57.	Mycobacterium tuberculosis PCR hệ thống tự động	24.0031.1686	24.31
58.	Mycobacterium tuberculosis Real-time PCR	24.0032.1687	24.32
59.	Influenza virus A, B Real-time PCR (*)	24.0244.1670	24.244
60.	Coronavirus Real-time PCR	24.0235.1719	24.235
61.	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR	24.0235.1719. SC2	

STT	Tên dịch vụ xét nghiệm cận lâm sàng	Mã tương đương	Mã Danh mục kỹ thuật theo TT43, TT50, TT21
62.	Enterovirus Real-time PCR	24.0230.1719	24.230
63.	Leptospira PCR	24.0081.1719	24.81
64.	Neisseria meningitidis PCR	24.0058.1686	24.58
65.	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	24.0187.1637	24.187
66.	JEV IgM miễn dịch bán tự động	24.0246.1673	24.246
67.	Dengue virus serotype PCR	24.0192.1686	24.192
68.	Virus Real-time PCR	24.0115.1719	24.115
69.	Chlamydia Real-time PCR	24.0065.1719	24.65
70.	Neisseria gonorrhoeae Real-time PCR	24.0052.1719	24.52
71.	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) nuôi cấy môi trường lỏng	24.0035.1685	24.35
72.	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) nuôi cấy môi trường đặc	24.0036.1684	24.36
73.	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) định danh LPA	24.0037.1691	24.37
74.	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) định danh Real-time PCR	24.0038.1651	24.38

Ghi chú: Các từ viết tắt tại Phụ lục:

- TT43: Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- TT50: Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật.

- TT21: Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT.